



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Phong Nhã	Chủ tịch
Ông Phan Bằng Việt	Ủy viên
Ông Lê Thái Hưng	Ủy viên
Ông Lê Bất Hùng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Khánh Quyền	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đỗ Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Thái Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Tiệp	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 033026/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		140.475.977.722	115.662.767.253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.938.963.995	24.574.644.636
1. Tiền	111		13.295.350.975	23.964.644.636
2. Các khoản tương đương tiền	112		643.613.020	610.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.064.321.759	89.484.215.817
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	43.290.067.131	41.785.270.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.822.224.326	10.545.416.179
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	70.264.151.205	34.566.030.651
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.707.879.097	2.607.498.365
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20.000.000)	(20.000.000)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	1.471.232.360	270.636.817
1. Hàng tồn kho	141		1.471.232.360	270.636.817
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.459.608	1.333.269.983
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.459.608	354.865.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	978.404.445
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		299.843.611.927	324.664.922.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		774.542.245	558.397.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	774.542.245	558.397.000
II. Tài sản cố định	220		290.284.198.954	314.052.408.675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	287.983.058.727	311.159.306.848
- Nguyên giá	222		472.670.002.176	465.445.795.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(184.686.943.449)	(154.286.488.269)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.301.140.227	2.893.101.827
- Nguyên giá	228		3.724.769.595	3.724.769.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.423.629.368)	(831.667.768)
III. Tài sản dài hạn khác	260		8.784.870.728	10.054.116.529
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8.784.870.728	10.054.116.529
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		440.319.589.649	440.327.689.457

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		178.345.756.512	184.237.867.304
I. Nợ ngắn hạn	310		116.766.521.961	91.065.328.614
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	42.897.647.291	60.005.039.123
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.041.336.216
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.983.117.188	5.100.798.328
4. Phải trả người lao động	314		1.125.376.120	1.668.063.922
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12a	8.467.327.160	1.492.267.473
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	37.269.035.437	126.223.552
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	20.931.600.000	20.631.600.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.092.418.765	-
II. Nợ dài hạn	330		61.579.234.551	93.172.538.690
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12b	3.390.556.786	12.572.260.925
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	58.188.677.765	80.600.277.765
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		261.973.833.137	256.089.822.153
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	261.973.833.137	256.089.822.153
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.831.000.000	185.831.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.831.000.000	185.831.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.924.187.646	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.707.115.491	69.747.292.153
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.564.485.742	(58.718.742.090)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		45.142.629.749	128.466.034.243
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		511.530.000	511.530.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		440.319.589.649	440.327.689.457

Na

Lâm Thị Lê Na
 Người lập biểu
 Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Na

Lâm Thị Lê Na
 Kế toán trưởng



Lê Thái Hưng
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	115.912.430.902	102.706.344.553
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		115.912.430.902	102.706.344.553
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	55.696.795.077	60.382.180.281
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.215.635.825	42.324.164.272
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.931.422.811	921.196.012
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.067.948.838	(32.740.957.302)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.063.548.838	10.314.740.942
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.758.515.504	2.747.366.936
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.320.594.294	73.238.950.650
9. Thu nhập khác	31	VI.5	7.074.418.762	62.465.083.860
10. Chi phí khác	32	VI.6	5.994.782.213	3.410.507.046
11. Lợi nhuận khác	40		1.079.636.549	59.054.576.814
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.400.230.843	132.293.527.464
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	5.257.601.094	3.827.493.221
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.142.629.749	128.466.034.243
15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		45.142.629.749	128.466.034.243
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.356	6.706
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.356	6.706

Na

Lim Thị Lê Na
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Na

Lim Thị Lê Na
Kế toán trưởng



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	50.400.230.843	132.293.527.464
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	30.992.416.780	29.797.314.795
- Các khoản dự phòng	03	-	(1.062.867.605)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(19.416)	19.795.641
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.797.364.971)	(63.386.240.572)
- Chi phí lãi vay	06	10.063.548.838	10.314.740.942
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	86.658.812.074	107.976.270.665
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	880.273.812	(41.185.187.963)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.200.595.543)	1.273.936.255
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(19.702.192.089)	3.395.634.155
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.622.651.731	1.385.831.832
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.494.341.377)	(31.545.596.265)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.007.939.158)	(246.372.836)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	48.756.669.450	41.054.515.843
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.380.013.924)	(77.286.937.373)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	72.050.687.324
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(67.248.120.554)	(52.166.030.651)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.550.000.000	17.600.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.797.364.971	899.124.612
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(37.280.769.507)	(38.903.156.088)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	87.198.103.737	138.104.110.518
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(109.309.703.737)	(125.227.052.812)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(22.111.600.000)	12.877.057.706
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	(10.635.700.057)	15.028.417.461
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	24.574.644.636	9.546.246.733
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.416	(19.558)
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</i>	70	13.938.963.995	24.574.644.636

Na
Lâm Thị Lê Na
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Na
Lâm Thị Lê Na
Kế toán trưởng

Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900687702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 26 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 6 ngày 19 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty lần lượt là 185.831.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm tỷ tám trăm ba mươi một triệu đồng) và 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 84 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 59 người).

Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong có 01 công ty con. Cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	Nghệ An	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV;
- Sửa chữa thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong và các Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va do Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/(lỗ) chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định của Công ty là phần mềm kế toán, quyền chuyển nhượng mỏ đá và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, quyền chuyển nhượng mỏ đá, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm, quyền chuyển nhượng mỏ đá được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, tài sản cố định vô hình khác là các chi phí bỏ ra để được cấp quyền khai thác khoáng sản tại Mỏ đá Pù Càng do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp trong năm 2015 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc sửa chữa đã được trả trước. Chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng còn lại.

Các khoản trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.545.268.457	928.802.673
Tiền gửi ngân hàng	9.750.082.518	23.035.841.963
Các khoản tương đương tiền (*)	643.613.020	610.000.000
Cộng	<u>13.938.963.995</u>	<u>24.574.644.636</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn ba tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất 5,5%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ	31.377.550.159	31.377.550.159
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	10.340.794.173	9.719.573.939
Công ty Cổ phần Za Hưng	1.479.238.281	570.962.624
Phải thu các đối tượng khác	92.484.518	117.183.900
Cộng	<u>43.290.067.131</u>	<u>41.785.270.622</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 18	2.431.645.403	2.431.645.403
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng HEC	1.732.265.043	1.732.265.043
Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế xây dựng Công trình	892.417.380	-
Công ty TNHH Tư vấn năng lượng và môi trường	377.548.683	377.548.683
Trả trước cho các đối tượng khác	4.388.347.817	6.003.957.050
Cộng	<u>9.822.224.326</u>	<u>10.545.416.179</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	70.264.151.205	34.566.030.651
Cộng	<u>70.264.151.205</u>	<u>34.566.030.651</u>
b) Phải thu về cho vay các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	<u>70.264.151.205</u>	<u>34.566.030.651</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4. Phải thu về cho vay ngắn hạn (Tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong cho Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn vay theo các hợp đồng cho vay thời hạn dưới một năm, lãi suất cho vay 7%/năm. Lãi phát sinh hàng kỳ được nhập gốc cho vay. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	963.358.130	840.544.278
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	707.102.100	-
Phải thu khác	37.418.867	1.766.954.087
Cộng	1.707.879.097	2.607.498.365
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	774.542.245	558.397.000
Cộng	774.542.245	558.397.000

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.413.181	-	270.636.817	-
Thành phẩm	1.440.819.179	-	-	-
Cộng	1.471.232.360	-	270.636.817	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.459.608	354.865.538
Cộng	1.459.608	354.865.538
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	293.372.684	696.055.767
Chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc	8.391.948.082	9.055.920.649
Chi phí trả trước dài hạn khác	99.549.962	302.140.113
Cộng	8.784.870.728	10.054.116.529

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
Bản Đồn Cón, xã Mường Nọc,
huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	331.282.437.732	132.638.196.476	1.404.342.727	120.818.182	465.445.795.117
Mua trong kỳ	1.024.758.681	144.780.000	-	-	1.169.538.681
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.229.483.037	-	-	-	6.229.483.037
Giảm khác (*)	(174.814.659)	-	-	-	(174.814.659)
Tại ngày 31/12/2017	338.361.864.791	132.782.976.476	1.404.342.727	120.818.182	472.670.002.176
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	99.194.348.141	54.665.267.056	328.600.345	98.272.727	154.286.488.269
Khấu hao trong năm	21.043.974.655	9.131.859.314	213.348.484	11.272.727	30.400.455.180
Tại ngày 31/12/2017	120.238.322.796	63.797.126.370	541.948.829	109.545.454	184.686.943.449
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	232.088.089.591	77.972.929.420	1.075.742.382	22.545.455	311.159.306.848
Tại ngày 31/12/2017	218.123.541.995	68.985.850.106	862.393.898	11.272.728	287.983.058.727

(*) Giảm khác là giảm giá trị quyết toán theo kiểm toán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.506.104.837 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 865.403.244 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã mang đi thế chấp các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 235.608.615.166 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 255.890.002.207 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Quyền chuyển nhượng mỏ đá VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	173.000.000	1.924.000.000	1.627.769.595	3.724.769.595
Tại ngày 31/12/2017	173.000.000	1.924.000.000	1.627.769.595	3.724.769.595
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	173.000.000	183.901.636	474.766.132	831.667.768
Khấu hao trong năm	-	320.666.667	-	591.961.600
Tại ngày 31/12/2017	173.000.000	504.568.303	474.766.132	1.423.629.368
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	-	1.740.098.364	1.153.003.463	2.893.101.827
Tại ngày 31/12/2017	-	1.419.431.697	1.153.003.463	2.301.140.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
10. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Prime Trung Tín	3.631.403.424	3.631.403.424	6.963.146.819	6.963.146.819
Công ty TNHH Thiên Xứng	2.059.298.363	2.059.298.363	2.059.298.363	2.059.298.363
Chi nhánh Xí nghiệp tập thể thương binh đoàn Sao vàng	1.818.196.500	1.818.196.500	1.818.196.500	1.818.196.500
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	86.347.308	86.347.308	6.700.336.123	6.700.336.123
Phải trả cho các đối tượng khác	35.302.401.696	35.302.401.696	42.464.061.318	42.464.061.318
Cộng	42.897.647.291	42.897.647.291	60.005.039.123	60.005.039.123
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	935.405.987	935.405.987	6.582.537.429	6.582.537.429
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	793.704.448	12.077.051.043	11.517.853.662	234.507.067
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.044.444.872	5.257.601.094	7.007.939.158	3.794.782.936
Thuế thu nhập cá nhân	75.789.973	115.941.365	46.889.629	6.738.237
Thuế tài nguyên	1.069.177.895	8.114.989.452	8.110.581.645	1.064.770.088
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	34.806.000	34.806.000	-
Thuế khác	-	22.244.880	22.244.880	-
Phí, lệ phí khác phải nộp Nhà nước	-	17.662.548	17.662.548	-
Cộng	3.983.117.188	25.640.296.382	26.757.977.522	5.100.798.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****12. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	957.498.139	958.814.618
Lãi vay ngân hàng	900.000.000	900.000.000
Lãi vay cá nhân	57.498.139	58.814.618
Các khoản khác	7.509.829.021	533.452.855
Tổng	8.467.327.160	1.492.267.473
b. Dài hạn		
Lãi vay quá hạn phải trả	2.616.014.041	5.037.487.259
Trích trước chi phí cải tạo môi trường mỏ đá Pù Càng (*)	774.542.745	558.397.500
Trích trước chi phí khác	-	6.976.376.166
Cộng	3.390.556.786	12.572.260.925

(*) Trích trước chi phí cải tạo môi trường mỏ đá Pù Càng theo dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ tổng kinh phí cải tạo phục hồi môi trường của UBND tỉnh Nghệ An ngày 26 tháng 06 năm 2015.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả tiền cổ tức các cổ đông	37.166.200.000	-
Phải trả, phải nộp khác	102.835.437	126.223.552
Cộng	37.269.035.437	126.223.552
b) Phải trả khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)	28.606.160.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Bán Đồn Cồn, xã Mường Nọc,
huyện Quỳnh Phong, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	Số có khả năng trả nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất (*)	-	-	87.198.103.737	87.198.103.737	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.15)	20.931.600.000	20.931.600.000			20.631.600.000	20.631.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quý	2.400.000.000	2.400.000.000			2.100.000.000	2.100.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An	18.531.600.000	18.531.600.000			18.531.600.000	18.531.600.000
Cộng	20.931.600.000	20.931.600.000			20.631.600.000	20.631.600.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất theo Hợp đồng thuê tài sản số 01/2017/HD ngày 05 tháng 01 năm 2017. Giá trị hạn mức thuê tài sản tối đa 60.000.000.000 đồng. Thời hạn thuê tài sản tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp hạn mức thuê tài sản. Lãi suất thuê tài sản được điều chỉnh 03 tháng/lần vào đầu mỗi quý theo quy định của BIDV, đảm bảo không thấp hơn lãi suất tiền gửi dùng làm tài sản đảm bảo, lãi suất áp dụng hết 31/03/2017 là 6,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay thuê tài sản là bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời của Bên vay do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán, hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay thuê tài sản chi là hợp đồng tiền gửi số 01/HDTG ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Công ty có giá trị 18 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Bản Đồn Cóm, xã Mường Nọc,
huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng, tổ chức kinh tế	79.120.277.765	79.120.277.765	-	22.111.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quý (*)	14.243.542.750	14.243.542.750	-	3.580.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An (**)	64.876.735.015	64.876.735.015	-	18.531.600.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	20.931.600.000	20.931.600.000		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quý (*)	2.400.000.000	2.400.000.000		
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An (**)	18.531.600.000	18.531.600.000		
Cộng	58.188.677.765	58.188.677.765		80.600.277.765
				80.600.277.765
				101.231.877.765
				17.823.542.750
				83.408.335.015
				(20.631.600.000)
				(2.100.000.000)
				(18.531.600.000)
				80.600.277.765
				80.600.277.765

(*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quý theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ số 02/5931065/HĐ. Theo đó, Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Sao Va có trách nhiệm nhận lại số tiền gốc vay mà Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quý để thi công dự án nhà máy thủy điện Sao Va với số tiền nhận nợ là 35.134.390.508 đồng, trong đó nợ gốc là 26.252.209.741 đồng và lãi là 8.882.180.767 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm áp dụng đến ngày 14 tháng 12 năm 2014. Lãi vay được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay cùng kỳ hạn tại thời điểm điều chỉnh.

(**) Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng số 0173/2016/HĐTD-DN ngày 27 tháng 05 năm 2016. Tổng số tiền vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong năm. Mục đích vay thanh toán tiền cho nhà thầu, bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định Nhà máy thủy điện Bản Cốc. Bảo đảm tiền vay là toàn bộ bất động sản và máy móc thiết bị của Nhà máy thủy điện Bản Cốc tại xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu trả nợ sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	20.931.600.000	20.631.600.000
Trong năm thứ hai	21.131.600.000	20.931.600.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	37.057.077.765	55.345.135.015
Sau năm năm	-	4.323.542.750
Cộng	79.120.277.765	101.231.877.765
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	20.931.600.000	20.631.600.000
Số phải trả sau 12 tháng	58.188.677.765	80.600.277.765

16. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	185.831.000.000	-	-	-	(58.718.742.090)	511.530.000	127.623.787.910	-	128.466.034.243	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	128.466.034.243	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	185.831.000.000	-	-	-	69.747.292.153	511.530.000	256.089.822.153	-	45.142.629.749	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	45.142.629.749	-	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	20.924.187.646	-	(20.924.187.646)	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.092.418.765)	-	-	-	-	(2.092.418.765)
Trả cổ tức (*)	-	-	-	-	(37.166.200.000)	-	-	-	-	(37.166.200.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	185.831.000.000	20.924.187.646	20.924.187.646	54.707.115.491	511.530.000	261.973.833.137	511.530.000	261.973.833.137	261.973.833.137	261.973.833.137

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/QPH-DHĐCD-NQ ngày 18 tháng 08 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.583.100	18.583.100
- Cổ phiếu phổ thông	18.583.100	18.583.100
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.583.100	18.583.100
- Cổ phiếu phổ thông	18.583.100	18.583.100

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh bán điện và bộ phận xây lắp. Tuy nhiên, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chủ yếu kinh doanh bán điện, bộ phận xây lắp chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh tại địa bàn tỉnh Nghệ An. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	111.556.170.942	96.508.538.787
- Doanh thu bán điện	111.556.170.942	95.603.796.177
- Doanh thu bán đá	-	904.742.610
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.356.259.960	6.197.805.766
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.912.430.902	102.706.344.553
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	4.356.259.960	-
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	51.138.895.568	55.584.501.656
- Giá vốn bán điện	51.138.895.568	51.285.861.796
- Giá vốn bán đá	-	4.298.639.860
Giá vốn hoạt động xây lắp	4.557.899.509	5.595.256.828
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(797.578.203)
Cộng	55.696.795.077	60.382.180.281
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.797.364.971	921.196.012
Lãi chênh lệch tỷ giá	134.057.840	-
Cộng	4.931.422.811	921.196.012
4. Chi phí tài chính	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	10.063.548.838	10.314.740.942
Chi phí tài chính khác	-	1.062.188.867
Chi phí lãi vay được miễn giảm	-	(44.137.682.752)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.400.000	19.795.641
Cộng	10.067.948.838	(32.740.957.302)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	62.465.044.560
Thu nhập từ thanh lý một phần đường dây 110KV Trương Bành - Ngã Ba Săng Lê	-	62.518.408.651
Lỗ thanh lý máy móc thiết bị	-	(53.364.091)
Thu nhập từ bán quyền giảm phát thải	6.897.411.263	-
Các khoản thu nhập khác	177.007.499	39.300
Cộng	7.074.418.762	62.465.083.860

6. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giảm giá trị tài sản đường dây 110 KV Trương Bành	-	3.276.035.811
Chi phí tư vấn bán quyền giảm phát thải	3.417.358.795	-
Chi phí giải phóng mặt bằng Cửa Lò không được cấp phép	1.742.768.981	-
Các khoản phạt	585.654.019	58.610.979
Các khoản khác	249.000.418	75.860.256
Cộng	5.994.782.213	3.410.507.046

7. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong	5.143.757.811	3.760.527.870
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	113.843.283	66.965.351
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.257.601.094	3.827.493.221

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	45.142.629.749	128.466.034.243
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	1.354.278.892	3.853.981.027
(Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ)	43.788.350.857	124.612.053.216
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	18.583.100	18.583.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.356	6.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

- (*) Theo điểm 6, công văn số 12568/BTC-CĐKT ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Bộ Tài Chính về việc giải thích nội dung thông tư 200/2014/TT-BTC, thì số quỹ khen thưởng phúc lợi để trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 được điều chỉnh theo số trích quỹ thực tế. Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong, quỹ khen thưởng phúc lợi được trích theo tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế phân phối. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ước tính giá trị quỹ khen thưởng, phúc lợi trích trong năm 2017 căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ khen thưởng năm 2016 (3% Lợi nhuận sau thuế).

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.659.824.458	1.104.081.105
Chi phí nhân công	5.715.948.961	6.664.407.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.992.416.780	29.797.314.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.246.126.053	17.778.636.135
Chi phí khác bằng tiền	4.058.105.180	8.628.934.223
Dự phòng phải thu khó đòi	-	20.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.082.867.605)
Cộng	61.672.421.432	62.910.505.865

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*****Danh sách bên liên quan:*****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn
Ông Thái Phong Nhà
Công ty Cổ phần Prime Quế Phong

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty con của Công ty Cổ phần Điện lực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Prime Quế Phong	4.356.259.960	-
Cộng	4.356.259.960	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	4.369.790.929	5.985.224.844
Cộng	4.369.790.929	5.985.224.844
Vay trong năm		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	-	25.418.283.571
Ông Thái Phong Nhã	-	20.385.291.932
Cộng	-	45.803.575.503
Trả nợ vay trong năm		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	-	50.818.283.571
Ông Thái Phong Nhã	-	43.913.638.932
Cộng	-	94.731.922.503
Lãi vay phát sinh		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	-	1.318.283.571
Ông Thái Phong Nhã	-	1.403.970.459
Cộng	-	2.722.254.030
Cho vay trong năm		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	67.148.120.554	50.400.000.000
Cộng	67.148.120.554	50.400.000.000
Thu hồi tiền vay		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	31.450.000.000	16.865.613.042
Cộng	31.450.000.000	16.865.613.042
Lãi cho vay phát sinh		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	4.102.022.019	766.030.651
Cộng	4.102.022.019	766.030.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	935.405.987	6.582.537.429
Cộng	935.405.987	6.582.537.429
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	28.606.160.000	-
Cộng	28.606.160.000	-
Lãi vay phải trả		
Ông Thái Phong Nhà	57.498.139	58.814.618
Cộng	57.498.139	58.814.618
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	70.264.151.205	34.566.030.651
Cộng	70.264.151.205	34.566.030.651

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương và thưởng	205.738.000	221.300.000
Cộng	205.738.000	221.300.000

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Na

Lâm Thị Lê Na
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Na

Lâm Thị Lê Na
Kế toán trưởng



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc